

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 35/2023/HS-ST
Ngày: 18-12-2023.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY - TỈNH TIỀN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thanh Trinh**.
- Các Hội thẩm nhân dân:
 - + Bà **Trần Thu Hồng**.
 - + Bà **Nguyễn Thị Linh**.
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Ngọc Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Ông Thạch Văn Ổn – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 31/2023/HSST ngày 21 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án xét xử số: 34/2023/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

1. Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1998, tại Tiền Giang; Tên gọi khác: Đ; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp L, xã Đ, huyện G, tỉnh T; Nghề nghiệp: Làm thuê, trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1970 và con bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1974. Cùng ngụ tại: ấp L, xã Đ, huyện G, tỉnh T; Anh ruột có 01 người: sinh năm 1993; Bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình; Vợ, con: chưa có; Tiền án: 00; Tiền sự: 00, Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã Đồng Thạnh, huyện G từ ngày 30/10/2023 đến ngày 30/12/2023.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Người bị hại:

- Mai Thị Lệ M, sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện G, tỉnh T.

Đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Thị Mai T, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ : ấp B, xã V, huyện G, tỉnh T.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Nguyễn Thanh T, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã Đ, huyện G, tỉnh T.

4. Những người làm chứng:

- Phan Thanh D, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Thạnh T, xã Đồng S, huyện G, tỉnh T.

- Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện G, tỉnh T.

- Lê Thị Kim H, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:***

Vào khoảng 17 giờ 40 phút, ngày 04/10/2023 bị cáo Nguyễn Văn Đ một mình điều khiển xe mô tô hai bánh biển số 59Z1-008.14 (xe của anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1978 ngụ ấp Lợi A, xã Đồng T, huyện G), đến câu lạc bộ hát với nhau: “Hương H”, tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện G, tỉnh T do chị Lê Thị Kim H, sinh năm 1977 làm chủ đề tham gia ca hát. Đến khoảng 19 giờ, chị Mai Thị Lê M, sinh năm 1980, ngụ ấp Bình A, xã Vĩnh H, huyện G đến cùng một số người bạn, lúc này bị cáo đi đến ngồi gần chị M, khi chị M lên sân khấu hát, chị M để 02 (hai) chiếc di động nhãn hiệu iphone 10 Xsmax và iphone 14 Promax trên bàn, bị cáo nhìn thấy 02 chiếc điện thoại trên và nảy sinh ý định chiếm đoạt. Bị cáo nói với chị H để bị cáo giới thiệu chị M hát tiếp, chị M lên hát mọi người ngồi chung cùng lên sân khấu để chụp hình với chị M, lúc này chỉ còn lại bị cáo và anh Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1979 ngụ ấp H, xã L, huyện G, tỉnh T lợi dụng lúc anh T hướng về sân khấu, bị cáo nhanh chóng lấy 02 chiếc điện thoại của chị M bỏ vào túi quần rồi nhanh chóng điều khiển xe tẩu thoát. Trên đường tẩu thoát bị cáo lấy 02 chiếc điện thoại mở chế độ máy bay để không ai điện thoại được, không định vị được, bị cáo điều khiển xe đến nhà của anh Phan Thanh D, sinh năm 1992, ngụ ấp Thạnh T, xã Đ, huyện G bán 02 chiếc điện thoại trên cho anh D, nhưng anh D không mua, nên bị cáo gửi lại cho anh D chiếc điện thoại Iphone 14 Promax, đem Iphone Xsmax về nhà, đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày Công an xã T phối hợp công an xã Đ đến nhà bị cáo mời làm việc và tạm giữ vật chứng.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) điện thoại di động Iphone XS Max có màu vàng, số máy MT672LL/A; số seri G6TYJ2H9KPHF; 01 (Một) điện thoại di động Iphone 14 Promax có màu tím, có sim ép số 8328781797, số máy MQ8R3LL/A, số seri JJN/VW26VG; 01 (Một) ốp điện thoại di động có màu vàng lọt, 01 (Một) ốp điện thoại di động có màu nâu đậm. Cơ quan điều tra đã trả lại toàn bộ tài sản trên cho chị M.

- 01 (một) xe mô tô hai bánh biển số 59Z1-00814, số khung RMNWVHMMN9H001183, số máy: VHLFM152FMH-V00701183. Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Nguyễn Thanh T.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 30/KL-HĐĐGTS ngày 13/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện G kết luận:

- 01 (Một) điện thoại di động Iphone 10 Xsmax màu vàng, số máy MT672LL/A; số seri G6TYJ2H9KPHF có giá trị tại thời điểm tháng 10/2023 là 6.700.000 đồng;

- 01 (Một) điện thoại di động Iphone 14 Promax màu tím, sim ép số 8328781797, số máy MQ8R3LL/A; số seri JJN/VW26VG có giá trị tại thời điểm tháng 10/2023 là 15.000.000 đồng.

- 01 (Một) ốp điện thoại di động màu vàng lọt, có giá trị tại thời điểm tháng 10/2023 là 50.000 đồng.

- 01 (Một) ốp điện thoại di động màu nâu đậm, có giá trị tại thời điểm tháng 10/2023 là 50.000 đồng.

Tổng cộng giá trị: 21.800.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường.

*Tại Bản cáo trạng số 33/CT-VKSGCT ngày 20/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội trộm cắp tài sản, đồng thời phân tích các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị: Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của bộ luật hình sự về án treo, Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của bộ luật hình sự về án treo, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 09 tháng – 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng – 24 tháng tính từ ngày tuyên án; giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh T giám sát, giáo dục.

-Về xử lý vật chứng: đã giải quyết xong nên không đặt ra xem xét.

-Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét.

-Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn Đ đã thừa nhận toàn bộ hành vi tội của bị cáo là đúng như trong bản cáo trạng đã công bố. Bị cáo nhận thấy hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, đúng tội, không oan sai.

Bị cáo không tham gia tranh luận, bị cáo nói lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh T vắng mặt, những người làm chứng gồm: Nguyễn Hoàng T, Lê Thị Kim H vắng mặt đã có lời khai tại cơ quan điều tra, việc vắng mặt những người này tại phiên tòa không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng trên.

[2]. Về nội dung: Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như qua phần xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 17 giờ 40 phút, ngày 04/10/2023 bị cáo Nguyễn Văn Đ một mình điều khiển xe mô tô hai bánh biển số 59Z1-008.14 (xe của anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1978 ngụ ấp L, xã Đ, huyện G), đến câu lạc bộ hát với nhau: “Hương H”, tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện G, tỉnh T do chị Lê Thị Kim H, sinh năm 1977 làm chủ để tham gia ca hát. Đến khoảng 19 giờ, chị Mai Thị Lệ M, sinh năm 1980, ngụ ấp Bình A, xã V, huyện G đến cùng một số người bạn, lúc này bị cáo đi đến ngồi gần chị M, khi chị M lên sân khấu hát, chị Mơ để 02 (hai) chiếc di động nhãn hiệu iphone 10 Xsmax và iphone 14 Promax trên bàn, bị cáo nhìn thấy 02 chiếc điện thoại trên và nảy sinh ý định chiếm đoạt. Bị cáo nói với chị H để bị cáo giới thiệu chị M hát tiếp, chị M lên hát mọi người ngồi chung cùng lên sân khấu để chụp hình với chị M, lúc này chỉ còn lại bị cáo và anh Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1979 ngụ ấp H, xã L, huyện G, tỉnh T lợi dụng lúc anh T hướng về sân khấu, bị cáo nhanh chóng lấy 02 chiếc điện thoại của chị M bỏ vào túi quần rồi nhanh chóng điều khiển xe tẩu thoát. Trên đường tẩu thoát bị cáo lấy 02 chiếc điện thoại mở chế độ máy bay để không ai điện thoại được, không định vị được, bị cáo điều khiển xe đến nhà của anh Phan Thanh D, sinh năm 1992, ngụ ấp T, xã Đ, huyện G bán 02 chiếc điện thoại trên cho anh D, nhưng anh D không mua, nên bị cáo gửi lại cho anh D chiếc điện thoại Iphone 14 Promax, đem Iphone Xsmax về nhà, đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày

Công an xã T phối hợp công an xã Đ đến nhà bị cáo mời làm việc và tạm giữ vật chứng. Do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình theo quy định của pháp luật. Do đó, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội: “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3]. Xét tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện tuy ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4]. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

[5]. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[6]. Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.

[7]. Về xử lý vật chứng: đã giải quyết xong nên không đặt ra xem xét.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản xong, bị hại không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[9]. Từ những phân tích trên, xét lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[10]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự, khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo, Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của bộ luật hình sự về án treo.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng (Mười tám tháng), tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt với bản án mới theo quy định tại điều 56 của Bộ luật hình sự.

2.Về xử lý vật chứng: đã giải quyết xong nên không đặt ra xem xét.

3.Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét.

4.Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5.Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo Đông có mặt, đại diện theo ủy quyền của bị hại chị T có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử theo trình tự phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh TG;
- VKSND H.Gò Công Tây;
- CQĐT, CQ THAHSCA H. Gò Công Tây;
- Nhà tạm giữ CAH.Gò Công Tây;
- CC.THADS H.Gò Công Tây;
- UBND xã Đồng Thạnh (nơi bị cáo cư trú);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Bộ phận THA phạt tù
- Hồ sơ vụ án, Lưu AV.

Đặng Thị Thanh Trinh

